TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 128/2020/DS-ST
Ngày: 03-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Phước Hậu

2/ Bà Võ Thị Lài

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2019/TLST-DS ngày 12/12/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 352/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự số 386/2020/TB-TA ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính A

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà B, Số 9 Đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Q – Sinh năm: 1994

Địa chỉ liên lạc: Tầng 8, Tòa nhà C, Số 20 Đường F, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Số 64/4 Tổ 11, Khu phố H, thị trấn M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hồng Q trình bày:

Ngày 08/01/2015, bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng tín dụng số 20150117-802005-0013 với Công ty tài chính A (sau đây viết tắt là Công ty tài chính) để vay số tiền 47.475.000 đồng. Mục đích để tiêu dùng cá nhân. Lãi suất là 2,92%/tháng. Theo thỏa thuận bà L có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính số tiền 78.439.000 đồng gồm cả gốc và lãi. Thời hạn vay là 36 tháng. Trong đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.148.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.259.000 đồng. Trả tiền hàng tháng vào ngày 01 bắt đầu từ ngày 01/3/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà L đã nhận đủ số tiền 47.475.000 đồng và đã trả được cho Công ty tài chính số tiền là 55.836.000 đồng. Kể từ ngày 30/5/2017 đến nay bà L không trả cho Công ty tài chính thêm bất kỳ khoản tiền nào.

Do bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty tài chính khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L chịu trách nhiệm cá nhân trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 03/8/2020 là 22.603.000 đồng trong đó nợ gốc là 19.245.855 đồng, tiền lãi là 3.357.145 đồng và yêu cầu bà L trả toàn bộ số tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự cho bà Nguyễn Thị L nhưng bà L đều không đến Tòa án để làm việc hoặc có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các vản bản tố tụng.

Việc đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm theo luật định;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Công ty tài chính A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Công ty tài chính chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị L phải thanh toán khoản nợ vay, do đó không cần đưa những người thân khác của bà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu của Công ty tài chính yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm cá nhân trả số tiền còn nợ tính đến ngày 03/8/2020 là 22.603.000 đồng trong đó nợ gốc là 19.245.855 đồng và tiền lãi là 3.357.145 đồng. Phương thức thanh toán: Yêu cầu trả toàn bộ số tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét:

[2.1] Căn cứ Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150117-802005-0013 ký ngày 08/01/2015 và Danh sách các khách hàng của Công ty tài chính A đã nhận tiền giải ngân qua hệ thống Bưu điện Việt Nam có đủ cơ sở kết luận bà Nguyễn Thị L có vay của Công ty tài chính số tiền 47.475.000 đồng. Lãi suất cho vay là 2,92%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước cho phép các tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và quy định lãi suất quá hạn theo Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001.

Theo thỏa thuận, bà L có trách nhiệm trả số tiền là 78.439.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.148.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.259.000 đồng. Trả tiền hàng tháng vào ngày 01 bắt đầu từ ngày 01/3/2015.

Thực hiện hợp đồng, bà L đã nhận đủ số tiền 47.475.000 đồng và đã trả được cho Công ty tài chính số tiền là 55.836.000 đồng.

Kể từ ngày 30/5/2017 đến nay bà L không trả cho Công ty tài chính thêm bất kỳ khoản tiền nào. Như vậy, bà Nguyễn Thị L đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán, thời hạn thanh toán được quy định trong hợp đồng tín dụng số 20150117-802005-0013 mà hai bên đã ký kết ngày 08/01/2015. Vì vậy, Công ty tài chính A yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày 03/8/2020 là 22.603.000 đồng (trong đó nợ gốc là 19.245.855 đồng và tiền lãi là 3.357.145 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".

Trong trường hợp này, bà Nguyễn Thị L là bên đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Công ty tài chính A

yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả tổng cộng số tiền tính đến ngày 03/08/2020 là 22.603.000 đồng (trong đó nợ gốc là 19.245.855 đồng và tiền lãi là 3.357.145 đồng) là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Việc bà Nguyễn Thị L không thanh toán nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn do đó việc nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3] Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thong qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm cá nhân trả cho Công ty tài chính A số tiền tính đến ngày 03/8/2020 là 22.603.000 đồng trong đó nợ gốc là 19.245.855 đồng và tiền lãi là 3.357.145 đồng theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150117-802005-0013 ký ngày 08/01/2015. Phương thức thanh toán trả toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 1.130.150 (Một triệu một trăm ba mươi nghìn một trăm năm mươi) đồng do bà Nguyễn Thị L phải chịu.

- Trả lại cho Công ty tài chính A 565.075 (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi lăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0034702 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. Tp HCM;
- VKSND. Tp HCM;
- VKSND Huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A DS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị Duyên